

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/7/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Thập;

2/ Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn và nuôi con, cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 349/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bích T, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh Lê Quốc Đ, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ 01, phường Đ2, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Bích T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Chị Phan Thị Bích T và anh Lê Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/12/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Đ2, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và anh Đ thường xuyên đánh đập chị T. Tháng 3/2014 chị T đã gửi đơn xin ly hôn anh Đ, nhưng anh Đ cố tình không tham gia tố tụng tại Tòa án, không nhận và không ký nhận vào các văn bản tố tụng của Tòa án, nên chị T phải rút đơn khởi kiện. Nay chị T không thể sống chung với anh Đ, không thể tiếp tục kéo dài hôn nhân mà không có tình cảm yêu thương. Hiện người đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2015 đến nay. Nay chị T tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, để sớm ổn định cuộc sống.

Vợ chồng có 02 con chung: Lê Nhật T1, sinh ngày 04/12/2012 và Lê Nhật T2, sinh ngày 11/9/2015. Hiện các con đang được anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng, nên chị T đề nghị Tòa án tiếp tục giao 02 con chung cho anh Lê Quốc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Bích T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động được.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã đến nơi ở của anh Đ để tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, nhưng anh Đ không nhận và không ký xác nhận vào bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án; không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu về con chung, đối với anh Lê Quốc Đ, trú tại: Tổ 01, phường Đ2, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Lê Quốc Đ.

Về nội dung:

[1] Quan hệ nhân giữ chị Phan Thị Bích T và anh Lê Quốc Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã kéo dài nhiều năm, ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ nhiều lần đánh đập chị T. Trước đây chị T đã nộp đơn ra tòa xin ly hôn anh Đ, nhưng anh Đ cố tình né tránh, không chịu lên Tòa án, từ chối nhận các văn bản tố tụng, nên chị T đã rút đơn. Nay, chị T cương quyết xin ly hôn anh Đ và hai người đã sống ly thân từ tháng 3/2015 đến nay. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh đã trầm trọng, đời sống chung giữa hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhiều lần Tòa án triệu tập anh Đ đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng anh cố tình vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, điều đó thể hiện anh Đ bỏ mặc tình trạng hôn nhân, không mong muốn niều kéo tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Bích T đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Lê Nhật T1, sinh ngày 04/12/2012 và Lê Nhật T2, sinh ngày 11/9/2015. Chị T không yêu cầu nuôi con, mà đề nghị

Tòa án tiếp tục giao anh Đ trực tiếp nuôi con. Xét thấy, trong thời gian chị T và anh Đ sống ly thân (06 năm), thì cả hai cháu được anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, cuộc sống của 02 cháu hiện đang ổn định, vì vậy cần tiếp tục giao 02 cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Bích T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con. Thời hạn cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 8 năm 2019, đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lập. Việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Không.

[5] Về án phí: Đơn xin ly hôn của chị T được chấp nhận và phải cấp dưỡng nuôi con, nên chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Phan Thị Bích T đối với anh Lê Quốc Đ. **Xử:**

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích T được ly hôn anh Lê Quốc Đ.

2- Về nuôi con chung: Anh Lê Quốc Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Nhật T1, sinh ngày 04/12/2012 và Lê Nhật T2, sinh ngày 11/9/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lập.

Chị T có quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Bích T cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Nhật T1 và Lê Nhật T2, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng) đồng/02 con. Thời hạn cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 8 năm 2019 đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lập.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, mà chị T chậm cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phan Thị Bích T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 00000990 ngày 15-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KonTum. Chị Phan Thị Bích T phải nộp tiếp 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

5- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10-7 -2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Hoài